

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

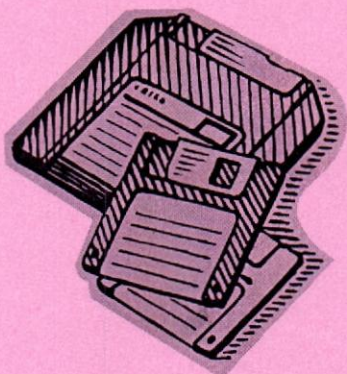
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*\*\*



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT  
PETRO MIỀN TRUNG**

ĐC: LÔ 04 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC - ĐIỆN BÀN- QUẢNG NAM

**MST 4000 462724**

QUẢNG NAM, THÁNG 7 NĂM 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>331,210,784,634</b>	<b>271,670,499,341</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>22,206,318,005</b>	<b>32,628,439,242</b>
1. Tiền	111		22,206,318,005	32,628,439,242
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>223,960,196,753</b>	<b>178,222,716,950</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	200,436,457,082	138,313,514,746
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	20,950,552,002	38,200,028,176
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Các khoản phải thu khác	136	5.4	4,186,879,728	3,164,645,000
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.5	(1,613,692,059)	(1,455,470,972)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>41,516,608,376</b>	<b>34,268,535,845</b>
1. Hàng tồn kho	141		41,516,608,376	34,268,535,845
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>43,527,661,500</b>	<b>26,550,807,304</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	4,293,365,669	1,862,442,283
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		39,156,909,827	24,610,979,017
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	77,386,004	77,386,004
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,009,463,383,527</b>	<b>1,006,506,795,826</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13,504,500,000</b>	<b>61,473,763,254</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	13,504,500,000	61,473,763,254



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Mẫu số B 01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>191,213,782,027</b>	<b>207,770,893,622</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	191,054,691,117	207,293,620,888
- Nguyên giá	222		271,458,995,209	277,947,480,489
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(80,404,304,092)	(70,653,859,601)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	159,090,910	477,272,734
- Nguyên giá	228		4,636,363,636	4,636,363,636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4,477,272,726)	(4,159,090,902)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>94,327,181,818</b>	<b>94,327,181,818</b>
- Nguyên giá	231		94,327,181,818	94,327,181,818
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>382,898,653,352</b>	<b>165,642,817,102</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	382,898,653,352	165,642,817,102
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>137,000,000,000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.13	-	137,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>327,519,266,330</b>	<b>340,292,140,030</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	317,445,090,318	330,694,409,559
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1,146,981,806	155,224,666
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269	5.8	8,927,194,206	9,442,505,805
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,340,674,168,161</b>	<b>1,278,177,295,167</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

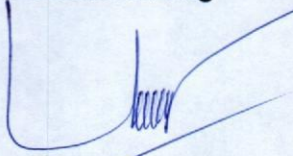
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>790,199,307,116</b>	<b>773,251,993,661</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>549,407,538,703</b>	<b>522,270,791,319</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	114,961,566,139	169,622,409,282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	7,730,937,042	9,068,015,542
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	11,176,324,132	6,777,825,024
4. Phải trả người lao động	314		629,083,396	656,221,624
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	214,208,947
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	690,670,482	6,215,069,825
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	414,203,542,000	329,701,625,563
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15,415,512	15,415,512
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>240,791,768,413</b>	<b>250,981,202,342</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	5.14	-	77,299,000,000
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.17	102,448,869,945	108,951,384,806
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.18	134,089,618,800	59,388,515,800
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		4,253,279,668	5,342,301,736
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>550,474,861,045</b>	<b>504,925,301,506</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.19</b>	<b>550,474,861,045</b>	<b>504,925,301,506</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		330,000,000,000	330,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330,000,000,000	330,000,000,000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		120,940,961,373	81,124,435,941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		81,124,435,950	32,283,290,231
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		39,816,525,424	48,841,145,710
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	5.20	99,533,899,672	93,800,865,565
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,340,674,168,161</b>	<b>1,278,177,295,167</b>

Người lập



Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 26 tháng 07 năm 2018



Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bích Thùy



## BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2018	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm 2017
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>6.1</b>	<b>280,028,698,893</b>	<b>220,696,421,543</b>	<b>555,534,736,828</b>	<b>337,334,381,522</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	10,693,106,718	15,084,724,993	20,830,508,122	14,233,466,703
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>269,335,592,175</b>	<b>205,611,696,550</b>	<b>534,704,228,706</b>	<b>323,100,914,819</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	211,680,823,156	183,061,671,369	430,446,254,641	267,517,980,411
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>57,654,769,019</b>	<b>22,550,025,181</b>	<b>104,257,974,065</b>	<b>55,582,934,408</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	16,406,579,613	6,057,966,877	18,720,272,754	14,422,270,499
7. Chi phí tài chính	22	6.5	6,837,456,885	12,575,015,396	15,956,446,269	10,492,037,478
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,834,385,635	6,734,682,346	15,919,375,019	10,488,857,478
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0	0	1,419,557,073
9. Chi phí bán hàng	25	6.8	19,229,030,196	18,215,018,624	41,030,670,807	29,768,838,353
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	8,625,478,341	6,986,627,228	16,419,122,639	10,606,276,742
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>39,369,383,210</b>	<b>-9,168,669,190</b>	<b>49,572,007,104</b>	<b>20,557,609,407</b>
12. Thu nhập khác	31	6.6	10,420,189,943	2,945,859,009	15,993,183,881	4,874,866,845
13. Chi phí khác	32	6.7	6,498,844,789	682,239,196	9,063,066,630	814,422,258
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3,921,345,154</b>	<b>2,263,619,813</b>	<b>6,930,117,251</b>	<b>4,060,444,587</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>43,290,728,364</b>	<b>-6,905,049,377</b>	<b>56,502,124,355</b>	<b>24,618,053,994</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	9,604,700,372	1,701,672,494	13,033,344,024	4,426,948,170
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-2,080,779,208	0	-2,080,779,208	-1,295,033,604
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>35,766,807,200</b>	<b>-8,606,721,871</b>	<b>45,549,559,539</b>	<b>21,486,139,428</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		29,776,121,321	-5,515,006,733	39,816,525,432	24,679,633,220



20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5,990,685,880	-8,606,721,871	5,733,034,107	-3,193,493,792
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		902	-167	1,207	748
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71				0	0

Người lập



*Nguyễn Quang Lâm*

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc




Nguyễn Thị Bích Thùy



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03 – DN/HN

Theo phương pháp gián tiếp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Đơn vị tính: VND Kỳ trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>56,502,124,355</b>	<b>24,618,053,994</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		11,777,017,274	6,823,162,461
- Các khoản dự phòng	03		158,221,087	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26,391,239,562)	(6,743,638,988)
- Chi phí lãi vay	06		15,919,375,019	10,488,857,478
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>57,965,498,173</b>	<b>35,186,434,945</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12,818,443,305)	25,719,960,566
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7,248,072,531)	3,513,747,199
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(144,290,126,266)	(48,977,353,516)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10,818,395,855	(21,507,127,823)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(15,919,375,019)	(10,488,857,478)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8,585,744,532)	(8,776,918,259)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(120,077,867,625)</b>	<b>(25,330,114,366)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(217,925,827,159)	(116,481,263,580)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		13,636,363,637	200,000,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	277,575,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(199,949,702,096)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		137,000,000,000	36,000,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17,742,190,473	2,878,626,922
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(49,547,273,049)</b>	<b>222,661,246</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**Theo phương pháp gián tiếp  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 03 – DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		635,253,489,748	422,203,021,594
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(476,050,470,311)	(380,337,455,250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>159,203,019,437</b>	<b>41,865,566,344</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10,422,121,237)	16,758,113,224
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		32,628,439,242	31,349,149,576
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		22,206,318,005	48,107,262,800

Quảng Nam, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Người lập

Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Linh Thường

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

**Mẫu số B 09 - DN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 09 tháng 5 năm 2007, thay đổi lần thứ 17 ngày 08/12/2017

Vốn điều lệ của Công ty là 330.000.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi tỷ đồng*).

**Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

**Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** Không

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các chi nhánh sau:

<b>STT</b>	<b>Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung, chi nhánh Vũng Tàu	Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị	Tỉnh Quảng Trị
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Tỉnh Bình Định
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Nam	Tỉnh Quảng Nam
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Tỉnh Thừa Thiên Huế



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Công ty có các Công ty con như sau:

<b>STT</b>	<b>Tên Công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V- Gas	Số 1A/8 đường Châu Văn Lông, KP Long Điền phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai
2	Công ty TNHH Gas Miền Trung	Lô số 6, KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3	Công ty TNHH Trung Nam	Số 8G khu phố II, phường Hiệp Thành, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Cơ sở hoạt động liên tục**

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy trước.

**3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**4.3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

**Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:**

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

**Lập dự phòng đầu tư tài chính**

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

**4.4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Mẫu số B 09 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc thiết bị	10 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-15 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

**4.7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình, các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí vô bình, chi phí kiểm định vô bình được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 10 năm.



**4.8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phân ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

**4.9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09 - DN

**4.11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

**4.12. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

**4.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

**4.14. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô 04 KCN Điện Nam- Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09 - DN

**4.15. Các bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Tiền mặt	15,521,576,025	15,293,255,588
Tiền gửi ngân hàng	6,684,741,980	17,335,183,654
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>22,206,318,005</b>	<b>32,628,439,242</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>200,436,457,082</b>	<b>138,313,514,746</b>
Công ty TNHH Dầu khí Xanh	3,296,177,815	3,109,299,718
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ An Hiệp Lợi	5,961,410,793	5,965,909,318
Các khoản phải thu khách hàng khác	191,178,868,474	129,238,305,710
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>742,837,437</b>	<b>742,837,437</b>
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	742,837,437	742,837,437

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>20,950,552,002</b>	<b>38,200,028,176</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	-	30,000,000,000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Saiko	3,258,456,000	2,977,776,399
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Bạch Hổ	13,034,278,288	2,330,000,000
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4,657,817,714	2,892,251,777
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>158,221,087</b>	<b>30,158,221,087</b>
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	158,221,087	158,221,087
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	-	30,000,000,000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4,186,879,728</b>	-	<b>3,164,645,000</b>	-
- Phải thu khác	1,606,386,802	-	2,105,386,802	-
- Tạm ứng	1,864,029,627	-	56,607,627	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	713,699,000	-	713,699,000	-
- Phải trả, phải nộp khác	2,764,299	-	288,951,571	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>13,504,500,000</b>	-	<b>61,473,763,254</b>	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	13,504,500,000	-	24,501,545,254	-
+ Công ty TNHH Petronas Việt Nam	-	-	10,745,000,000	-
+ Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam	4,067,000,000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam- chi nhánh Miền Trung	9,437,500,000	-	9,437,500,000	-
+ Đối tượng khác	-	-	4,319,045,254	-
- Phải thu dài hạn khác	-	-	36,972,218,000	-
+ Lãi cho vay bà Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	182,218,000	-
+ Nguyễn Thị Bích Thủy (*)	-	-	36,790,000,000	-
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>712,633,535</b>	-	<b>37,684,851,535</b>	-
- Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	712,633,535	-	712,633,535	-
- Nguyễn Thị Bích Thủy	-	-	36,972,218,000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Tại ngày 30/06/2018

**5.5 . NỢ XẤU***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
<b>- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>						
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - CN Lâm Đồng	742,837,437	-	(742,837,437)	742,837,437	-	(742,837,437)
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam - Trung Nam	158,221,087	-	(158,221,087)	-	-	-
+ Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	712,633,535	-	(712,633,535)	712,633,535	-	(712,633,535)
<b>Cộng</b>	<b>1,613,692,059</b>	<b>-</b>	<b>(1,613,692,059)</b>	<b>1,455,470,972</b>	<b>-</b>	<b>(1,455,470,972)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

5.6 . HÀNG TỒN KHO	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	4,943,088,973	-	8,631,920,959	-
Công cụ, dụng cụ	32,589,625	-	30,490,875	-
Chi phí SXKD dở dang	3,696,862,492	-	107,428,607	-
Thành phẩm nhập kho	812,927,843	-	1,054,317,871	-
Hàng hóa	32,031,139,443	-	24,444,377,533	-
<b>Cộng</b>	<b>41,516,608,376</b>	<b>-</b>	<b>34,268,535,845</b>	<b>-</b>

5.7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	30/06/2018		01/01/2018	
	<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4,293,365,669</b>		<b>1,862,442,283</b>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	36,378,795		143,152,863	
Chi phí bảo hiểm	133,586,912		84,389,231	
Chi phí sơn sửa vỏ bình	2,954,136,444		917,062,887	
Các khoản khác	1,169,263,518		717,837,302	
<b>b) Dài hạn</b>	<b>317,445,090,318</b>		<b>330,694,409,559</b>	
Chi phí kiểm định vỏ bình	5,987,245,281		5,971,901,828	
Chi phí mua thương hiệu	22,878,787,858		26,060,606,044	
Chi phí vỏ bình phân bổ	284,225,424,659		295,819,275,449	
Chi phí bảo dưỡng vỏ bình	2,861,213,474		2,365,038,833	
Các khoản khác	1,492,419,046		477,587,405	
<b>Cộng</b>	<b>321,738,455,987</b>		<b>332,556,851,842</b>	

5.8 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	Số kỳ này
	<b>Số dư đầu kỳ</b>
Phát sinh tăng	-
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	515,311,599
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8,927,194,206</b>
<b>Chi tiết lợi thế thương mại tại các công ty con</b>	
Công ty TNHH Trung Nam	161,419,149
Công ty Cổ phần Dầu khí V Gas	8,765,775,057
<b>Cộng</b>	<b>8,927,194,206</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Tại ngày 30/06/2018

**5.9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	50,850,991,921	191,835,256,589	34,626,083,408	592,693,571	42,455,000	<b>277,947,480,489</b>
Tăng trong kỳ		203,220,117	669,990,909			<b>873,211,026</b>
- Mua trong kỳ			669,990,909			<b>669,990,909</b>
- Tăng khác		203,220,117				<b>203,220,117</b>
Giảm trong năm		7,158,476,189	18,636,000	184,584,117		<b>7,361,696,306</b>
- Thanh lý, nhượng bán		7,158,476,189				<b>7,158,476,189</b>
- Giảm khác			18,636,000	184,584,117		<b>203,220,117</b>
Số dư cuối kỳ	50,850,991,921	184,880,000,517	35,277,438,317	408,109,454	42,455,000	<b>271,458,995,209</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	9,805,411,752	47,270,364,527	13,221,856,935	328,394,787	27,831,600	<b>70,653,859,601</b>
Tăng trong kỳ	1,292,474,712	7,899,102,184	1,719,252,990	31,278,799	1,415,166	<b>10,943,523,851</b>
- Số khấu hao trong kỳ	1,292,474,712	7,899,102,184	1,719,252,990	31,278,799	1,415,166	<b>10,943,523,851</b>
Giảm trong kỳ		1,193,079,360				<b>1,193,079,360</b>
- Thanh lý, nhượng bán		1,193,079,360				<b>1,193,079,360</b>
Số dư cuối kỳ	11,097,886,464	53,976,387,351	14,941,109,925	359,673,586	29,246,766	<b>80,404,304,092</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	41,045,580,169	144,564,892,062	21,404,226,473	264,298,784	14,623,400	<b>207,293,620,888</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	39,753,105,457	130,903,613,166	20,336,328,392	48,435,868	13,208,234	<b>191,054,691,117</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Tại ngày 30/06/2018

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	Nhãn hiệu, tên thương mại	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ					4,636,363,636	4,636,363,636
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất						
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	4,636,363,636	4,636,363,636
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ					4,159,090,902	4,159,090,902
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	318,181,824	318,181,824
- Số khấu hao trong kỳ					318,181,824	318,181,824
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	4,477,272,726	4,477,272,726
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu kỳ	-	-	-	-	477,272,734	477,272,734
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	159,090,910	159,090,910



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

**5.11 . TĂNG GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Bất động sản đầu tư, nắm giữ chờ tăng giá</b>				
Nguyên giá	94,327,181,818	-	-	94,327,181,818
Quyền sử dụng đất	89,200,704,545			89,200,704,545
Nhà	5,126,477,273			5,126,477,273
Tồn thất do suy giảm giá trị				-
Quyền sử dụng đất				
Nhà				
Giá trị còn lại	94,327,181,818	-	-	94,327,181,818
Quyền sử dụng đất	89,200,704,545			89,200,704,545
Nhà	5,126,477,273			5,126,477,273

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5.12 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2018	01/01/2018
+ Xây dựng kho chứa - chiết nạp Gas (*)	320,155,814,328	165,469,048,054
+ Xây dựng chi nhánh tại Huế	62,742,839,024	173,769,048
<b>Cộng</b>	<b>382,898,653,352</b>	<b>165,642,817,102</b>

(\*) Chi phí đầu tư xây dựng dự án kho chứa chiết nạp Gas tại Khu công nghiệp hậu cần cảng Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 33321000130 cấp lần đầu ngày 10/04/2015, thay đổi lần thứ nhất ngày 16/11/2015. Thời hạn hoạt động của dự án là 50 năm kể từ ngày 10/04/2015.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****Mẫu số B 09 - DN**

Tại ngày 30/06/2018

**5.13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
a) Chứng khoán kinh doanh					
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
b1) Ngắn hạn					
b2) Dài hạn					
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			137,000,000,000		(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái (i)			137,000,000,000		(*)

(i) Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái được đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại V Gas

**- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái:**

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ
-------------	---------	--------------	---------------------	-------------

(\*) Xem Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ số 8.5 IV - Giá trị hợp lý



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

**5.14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>114,961,566,139</b>	<b>114,961,566,139</b>	<b>169,622,409,282</b>	<b>169,622,409,282</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Đông	50,491,177,774	50,491,177,774	138,363,878,719	138,363,878,719
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam - CN Miền Trung	5,854,729,867	5,854,729,867	7,983,586,182	7,983,586,182
Chi nhánh Tổng CTKVN Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	57,533,630,827	57,533,630,827	20,541,790,551	20,541,790,551
Phải trả cho các đối tượng khác	1,082,027,671	1,082,027,671	2,733,153,830	2,733,153,830
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	<b>77,299,000,000</b>	<b>77,299,000,000</b>
TAIZHOU CITY HUALIAN FOREIGN TRADE CO.,LTD	-	-	77,299,000,000	77,299,000,000
Phải trả cho các đối tượng khác	-	-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**5.15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>7,730,937,042</b>	<b>7,730,937,042</b>	<b>9,068,015,542</b>	<b>9,068,015,542</b>
Công ty TNHH Tân Nhà Việt	2,404,272,502	2,404,272,502	4,724,117,503	4,724,117,503
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Vinh Quang	2,368,189,000	2,368,189,000	2,035,022,000	2,035,022,000
Đối tượng khác	2,958,475,540	2,958,475,540	2,308,876,039	2,308,876,039
<b>b) Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-	<b>1,765,000,000</b>	<b>1,765,000,000</b>
<b>c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-	<b>1,765,000,000</b>	<b>1,765,000,000</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Gas Việt Thái	-	-	1,765,000,000	1,765,000,000



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<b>a) Phải nộp</b>	<b>6,777,825,024</b>	<b>42,546,135,984</b>	<b>38,147,636,876</b>	<b>11,176,324,132</b>
Thuế GTGT	249,320,535	29,413,266,728	29,553,100,975	109,486,288
Thuế TNDN	6,527,617,088	13,124,965,288	8,585,744,532	11,066,837,844
Thuế TNCN	887,401	903,968	1,791,369	-
Các loại thuế khác	-	7,000,000	7,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>6,777,825,024</b>	<b>42,546,135,984</b>	<b>38,147,636,876</b>	<b>11,176,324,132</b>
<b>b) Phải thu</b>	<b>Đầu kỳ</b>	<b>Số phải thu trong kỳ</b>	<b>Số đã thu trong kỳ</b>	<b>Cuối kỳ</b>
Thuế GTGT	2,450,305	-	-	2,450,305
Thuế TNDN	1,155,810	-	-	1,155,810
Thuế TNCN	73,779,889	-	-	73,779,889
<b>Cộng</b>	<b>77,386,004</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>77,386,004</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2018	01/01/2018
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>690,670,482</b>	<b>6,215,069,825</b>
Kinh phí công đoàn	48,262,923	30,454,526
Bảo hiểm xã hội	61,038,089	904,016
Bảo hiểm y tế	9,044,100	-
Phải trả, phải nộp khác	562,351,180	6,180,774,921
Phải thu khác	5,954,590	2,936,362
<b>b) Dài hạn</b>	<b>102,448,869,945</b>	<b>108,951,384,806</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	102,448,869,945	108,951,384,806
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**5.18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/06/2018		Trong kỳ		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>414,203,542,000</b>	<b>414,203,542,000</b>	<b>546,598,386,748</b>	<b>462,096,470,311</b>	<b>329,701,625,563</b>	<b>329,701,625,563</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - chi nhánh Hội An (1)	303,624,000,000	303,624,000,000	372,788,701,250	267,594,701,250	198,430,000,000	198,430,000,000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - chi nhánh Quảng Nam (2)	74,730,000,000	74,730,000,000	123,980,000,000	129,050,000,000	79,800,000,000	79,800,000,000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Quảng Nam (3)	-	-	9,449,685,498	11,803,987,061	2,354,301,563	2,354,301,563
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đà Nẵng (4)	22,500,000,000	22,500,000,000	40,380,000,000	39,710,000,000	21,830,000,000	21,830,000,000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hội An (5)	10,000,000,000	10,000,000,000	-	10,000,000,000	20,000,000,000	20,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Quảng Nam (6)	3,349,542,000	3,349,542,000	-	3,937,782,000	7,287,324,000	7,287,324,000
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>134,089,618,800</b>	<b>134,089,618,800</b>	<b>88,655,103,000</b>	<b>13,954,000,000</b>	<b>59,388,515,800</b>	<b>59,388,515,800</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hội An (5)	103,424,920,800	103,424,920,800	81,175,103,000	11,904,000,000	34,153,817,800	34,153,817,800
- Ngân hàng TMCP Á Châu - chi nhánh Quảng Nam (6)	26,684,698,000	26,684,698,000	2,500,000,000	-	24,184,698,000	24,184,698,000
- Ông Nguyễn Tiến Dũng (7)	-	-	1,000,000,000	2,050,000,000	1,050,000,000	1,050,000,000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam (8)	3,980,000,000	3,980,000,000	3,980,000,000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>548,293,160,800</b>	<b>548,293,160,800</b>	<b>635,253,489,748</b>	<b>476,050,470,311</b>	<b>389,090,141,363</b>	<b>389,090,141,363</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Tại ngày 30/06/2018

**5.19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>330,000,000,000</b>			<b>73,943,412,767</b>	<b>32,283,290,231</b>	<b>436,226,702,998</b>
Tăng vốn năm trước				92,179,132,919		<b>92,179,132,919</b>
Lãi trong năm trước				(2,322,325,368)	48,841,187,255	<b>46,518,861,887</b>
Tăng khác						-
Giảm do thoái vốn				69,999,352,113		<b>69,999,352,113</b>
Giảm khác				2,640	41,545	<b>44,185</b>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>330,000,000,000</b>	-	-	<b>93,800,865,565</b>	<b>81,124,435,941</b>	<b>504,925,301,506</b>
Tăng vốn trong kỳ						-
Lãi trong kỳ				5,733,034,107	39,816,525,432	<b>45,549,559,539</b>
Tăng do thoái vốn trong kỳ						-
Tăng khác						-
Giảm vốn trong kỳ						-
Lỗ do hoàn nhập trong kỳ						-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>330,000,000,000</b>	-	-	<b>99,533,899,672</b>	<b>120,940,961,373</b>	<b>550,474,861,045</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Vốn góp của nhà nước			
Vốn góp của các đối tượng khác	100%		330,000,000,000
<b>e) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
- Vốn góp đầu kỳ		330,000,000,000	330,000,000,000
- Vốn góp cuối kỳ		330,000,000,000	330,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
<b>d) Cổ phiếu</b>			
		<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		33,000,000	33,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		33,000,000	33,000,000
- Cổ phiếu phổ thông		33,000,000	33,000,000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000 đồng	10.000 đồng
<b>5.20 . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT</b>			
		<b>30/06/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Công ty TNHH Gas Miền Trung		5,413,751,883	4,005,436,846
Công ty TNHH Trung Nam		5,307,300,428	5,250,541,288
Công ty Cổ phần Dầu khí V Gas		88,812,847,361	84,544,887,431
<b>Cộng</b>		<b>99,533,899,672</b>	<b>93,800,865,565</b>
<b>5.21 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH</b>			
<b>6 THÔNG TIN VỎ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b>			
<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>			
		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>a) Doanh thu</b>		<b>280,028,698,893</b>	<b>220,696,421,543</b>
Doanh thu bán hàng		266,644,622,754	216,367,608,921
Doanh thu cung cấp dịch vụ		13,384,076,139	4,328,812,622
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		-	-
<b>Cộng</b>		<b>280,028,698,893</b>	<b>220,696,421,543</b>
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>			
		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chiết khấu thương mại		10,693,106,718	14,301,607,000
Giảm giá hàng bán		-	783,117,993
<b>Cộng</b>		<b>10,693,106,718</b>	<b>15,084,724,993</b>
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>			
		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Giá vốn của hàng đã bán		205,414,254,512	179,348,419,653
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		6,266,568,644	3,713,251,716
<b>Cộng</b>		<b>211,680,823,156</b>	<b>183,061,671,369</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
		<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền gửi, cho vay		449,095,560	2,314,991,877
Lãi bán các khoản đầu tư		13,700,000,000	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		2,257,484,053	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**Mẫu số B 09 - DN**

Tại ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Doanh thu tài chính khác	-	3,742,975,000
<b>Cộng</b>	<b>16,406,579,613</b>	<b>6,057,966,877</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lãi tiền vay	6,803,456,885	6,710,545,971
Lỗ chênh lệch tỷ giá	34,000,000	3,180,000
<b>Cộng</b>	<b>6,837,456,885</b>	<b>12,575,015,396</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	7,670,966,808	-
Phân bổ cược vỏ bình Gas	2,461,113,525	2,931,169,011
Các khoản khác	288,109,610	14,689,998
<b>Cộng</b>	<b>10,420,189,943</b>	<b>2,945,859,009</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí trả vỏ bình Gas	6,261,626,700	-
Các khoản khác	237,218,089	682,239,196
<b>Cộng</b>	<b>6,498,844,789</b>	<b>682,239,196</b>
<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>19,229,030,196</b>	<b>18,215,018,624</b>
Chi phí nhân viên	2,139,768,403	2,188,073,508
Chi phí vỏ bình phân bổ	9,865,440,786	885,040,557
Chi phí nhượng quyền vỏ bình	1,818,181,818	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,372,866,331	3,067,546,951
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	1,624,879,006	6,646,919,100
Chi phí dịch vụ mua ngoài	311,900,209	1,223,264,425
Chi phí vận chuyển	-	-
Chi phí bán hàng khác	95,993,643	4,204,174,083
<b>b) Các chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>8,625,478,341</b>	<b>6,986,627,228</b>
Chi phí nhân viên	2,291,443,665	2,516,693,983
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì, vật liệu quản lý	215,104,522	38,826,819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	866,382,180	721,536,762
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,702,971,369	1,366,438,896
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác khác	2,549,576,605	2,343,130,768
<b>Cộng</b>	<b>27,854,508,537</b>	<b>25,201,645,852</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,737,358,579	3,204,612,652
Chi phí nhân công	5,638,768,663	5,770,034,179
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,060,234,353	4,607,508,988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,142,026,045	4,140,804,210
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	1,839,983,528	6,813,536,818
Chi phí vỏ bình phân bổ	9,865,440,786	885,040,557
Chi phí nhượng quyền vỏ bình	1,818,181,818	-
Chi phí khác	2,757,217,831	6,547,304,851
<b>Cộng</b>	<b>33,859,211,603</b>	<b>31,968,842,255</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Lô số 4, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

Tại ngày 30/06/2018

**Mẫu số B 09 - DN**

Đơn vị tính: VND

<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,604,700,372	1,701,672,494
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>9,604,700,372</b>	<b>1,701,672,494</b>
<b>6.11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(2,080,779,208)	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>(2,080,779,208)</b>	<b>-</b>

**6.12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	29,776,121,321	(5,515,006,733)
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	29,776,121,321	(5,515,006,733)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	33,000,000	33,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>902</b>	<b>(167)</b>

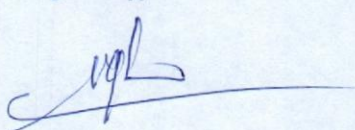
**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****8 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**9 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu



Nguyễn Quang Lâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 26 tháng 07 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Thùy



Quảng Nam, ngày 26 tháng 07 năm 2018

" V/V : Giải trình số liệu Báo cáo  
kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 năm 2018 so  
với KQKD quý 2/2017 của BCTC Riêng và hợp nhất".

Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (HOSE)

- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố  
thông tin trên thị trường chứng khoán

- Đơn vị giải trình : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN  
TRUNG**

- Mã chứng khoán : **PMG**

- Tổng Giám đốc : **NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY**

- Nội dung giải trình : Chênh lệch lợi nhuận kết quả hoạt động kinh doanh quý 2 năm 2018 so  
với KQKD quý 2/2017 của BCTC riêng và hợp nhất

Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo giấy phép đăng ký  
kinh doanh số 4000462724 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam đăng ký thay đổi lần thứ 17 cấp  
ngày 08/12/2017. Chúng tôi xin giải trình số liệu chênh lệch doanh thu và lợi nhuận sau thuế trên báo  
cáo riêng và hợp nhất quý 2 năm 2018 so với quý 2 năm 2017 như sau :

**SO SÁNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Chỉ tiêu	QUÝ 2/2018	QUÝ 2/2017	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	164,100,779,314	133,178,935,151	30,921,844,163
2. Giá vốn hàng bán	145,070,369,651	124,768,797,877	20,301,571,774
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	18,989,500,572	7,901,860,504	11,087,640,068
4. Doanh thu hoạt động tài chính	13,418,772,174	3,744,028,595	9,674,743,579
5. Chi phí tài chính	(1,760,749,314)	8,401,285,529	(10,162,034,843)
6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25,666,996,788	(4,855,923,491)	30,522,920,279
7. Thu nhập khác	(165,878,646)	1,592,624,814	(1,758,503,460)
8 Chi phí khác	6,267,713,198	16,858,852	6,250,854,346
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19,233,404,944	(3,280,157,529)	22,513,562,473
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14,136,732,701	(3,280,157,529)	17,416,890,230



**SƠ SANH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SAKD TRÊN BAO CAO TÀI CHÍNH HỢP NHAI**

Chỉ tiêu	Kỳ này	Kỳ trước	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	280,028,698,893	220,696,421,543	59,332,277,350
2. Giá vốn hàng bán	211,680,823,156	183,061,671,369	28,619,151,787
3. Doanh thu hoạt động tài chính	16,406,579,613	6,057,966,877	10,348,612,736
4. Chi phí tài chính	6,837,456,885	12,575,015,396	(5,737,558,511)
5. Thu nhập khác	10,420,189,943	2,945,859,009	7,474,330,934
6. Chi phí khác	6,498,844,789	682,239,196	5,816,605,593
7. Lợi nhuận sau thuế TNDN	35,766,807,200	(8,606,721,871)	44,373,529,071
8. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	29,776,121,321	(5,515,006,733)	35,291,128,053
9. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	5,990,685,880	(8,606,721,871)	14,597,407,751

Quý 2/2018 doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ có mức tăng trưởng tốt, do Petro Miền Trung đang thực hiện đẩy mạnh mở rộng mạng lưới phân phối, phát triển thị phần cùng với việc giá Gas tăng trong quý 2/2018 và một phần lợi nhuận từ việc Công ty thoái vốn ở Công ty CP đầu tư và sản xuất Gas Việt Thái là những nguyên nhân chính khiến lợi nhuận sau thuế Quý 2/2018 tăng mạnh so với cùng kỳ 2017.

Trên đây là toàn bộ phân giải trình của Công ty chúng tôi  
Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT  
PETRO MIỀN TRUNG**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Bích Thùy